

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 93 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đối với 10 loại khoáng sản cụ thể như sau:

- Than năng lượng: 02 khu vực.
- Quặng apatit: 02 khu vực.

- | | |
|-----------------------|-------------|
| 3. Quặng chì - kẽm: | 01 khu vực. |
| 4. Quặng cromit: | 03 khu vực. |
| 5. Quặng titan: | 14 khu vực. |
| 6. Quặng bauxit: | 23 khu vực. |
| 7. Quặng sắt-laterit: | 14 khu vực. |
| 8. Đá hoa trắng: | 17 khu vực. |
| 9. Cát trắng: | 15 khu vực. |
| 10. Quặng đất hiếm: | 02 khu vực. |

Chi tiết tọa độ, diện tích, mức sâu, tài nguyên, trữ lượng và thời gian dự trữ của từng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trong thời gian dự trữ của các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia nêu tại Điều 1 Quyết định này, việc quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thực hiện các dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải tuân thủ quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định sau:

1. Các Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước ngày ban hành Quyết định này mà không thuộc khoáng sản dự trữ nêu tại Điều 1 Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo nội dung giấy phép đã cấp và quy định của pháp luật về khoáng sản.

2. Các khu vực có khoáng sản không thuộc loại khoáng sản dự trữ nêu tại Điều 1 Quyết định này đã được đưa vào quy hoạch khoáng sản liên quan mà chưa cấp phép thăm dò, khai thác hoặc chưa đưa vào quy hoạch khoáng sản có liên quan thì được quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản nhưng không được ảnh hưởng đến khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan công khai các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được phê duyệt nêu tại Điều 1 Quyết định này;

b) Bàn giao hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia để quản lý, bảo vệ theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về báo cáo, số liệu và các đề xuất khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, quản lý hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao theo quy định;

b) Cập nhật thông tin, tài liệu có liên quan về khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trong phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương; tổ chức quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 2 Quyết định này, bao gồm cả các khu vực có tài nguyên, trữ lượng đã được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản nhưng không khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia xác định trong hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

c) Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch khoáng sản có liên quan trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia và tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, CN (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà